TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2023/HN-ST
Ngày: 13-9-2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Xuân Nhàn

Ông Lê Văn Cảnh

- **Thư ký phiên tòa**: ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa**: bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 13/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2023, quyết định phân công lại Hội thẩm nhân dân số: 61/2023/QĐ-TA ngày 24/8/2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 189/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thoại A2 (V), sinh năm 1985; địa chỉ: số 133, ấp H3, xã H1, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

2. Bị đơn: anh Đặng Thanh H (T), sinh năm 1981; địa chỉ: ấp H2, xã H1, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thoại A trình bày:

Chị và anh H kết hôn vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện G, tỉnh B vào ngày 05/12/2013. Cả hai đều có con riêng và đã từng có một đời vợ/cHng. Sau khi kết hôn, hai bên sinh sống cùng gia đình chị tại ấp Hưng Điền, xã H1, huyện G, tỉnh B. Thời gian đầu, hai bên chung sống bình thường. Đến khoảng năm 2016, hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu, xem trọng bạn bè hơn gia đình và thay đổi tính tình. Mỗi khi say rượu, tính tình của anh H rất khó

chịu, thường bắt bẻ từng lời nói và buộc chị nói chuyện đến tận đêm khuya. Lúc đầu, chị còn nhờ mẹ cHng khuyên giải nhưng anh H vẫn không thay đổi. Hai bên sống ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay. Hiện tại do chị không còn tình cảm với anh H, hai bên không có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Con chung: Đặng Uyển L, sinh ngày 01/6/2016 hiện ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có.

** Theo bản tự khai ngày 04/8/2023 và trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Đặng Thanh H trình bày:*

Anh thống nhất với trình bày của chị A về thời điểm kết hôn, về việc cả hai từng có một đời vợ/chồng và đều có con riêng. Sau khi hai bên kết hôn, do chị A là con một nên vợ chồng sống chung với gia đình chị A tại ấp Hưng Điền, xã H1, huyện G, tỉnh B. Trong thời gian sống chung, do không được lòng mẹ vợ nên anh thường xuyên bị chửi, đánh. Vì thương vợ, con nên anh nhẫn nhịn. Đến năm 2022, do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh xin cha vợ ra ở riêng. Trong thời gian sống riêng, chị A vẫn thường xuyên đến thăm và vợ chồng đã hòa giải. Tuy nhiên hiện nay do nghe lời mẹ nên chị A lại yêu cầu ly hôn với anh. Do còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn, anh hứa sẽ bỏ rượu, xóa bỏ mâu thuẫn với mẹ vợ để vợ chồng có thể hàn gắn, chị A không phải khó xử.

Con chung: Đặng Uyển L, sinh ngày 01/6/2016 hiện ở với chị A. Nếu phải ly hôn thì anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị A cấp dưỡng. Nếu chị A nuôi con thì anh không cấp dưỡng, do không có điều kiện kinh tế, anh sẽ cho con tùy theo khả năng. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

** Tại phiên tòa:*

Chị Nguyễn Thị Thoại A, anh Đặng Thanh H vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Sau khi nhận đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý, Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự (ghi tắt là BLTTDS) và các văn bản quy phạm pháp luật (ghi tắt là VBQPPL) có liên quan. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng quy định. Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 239, 243, 247, 248, 249, 258, 260 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Thư ký phiên tòa đã thực hiện các công việc chuẩn bị khai mạc phiên tòa và các nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo đúng quy định tại Điều 237 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Bị đơn không

tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 25/8/2023, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Như vậy, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan.

- Về nội dung: căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A.

+ Về hôn nhân: chị A được ly hôn với anh H.

+ Về con chung: chị A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Đặng Uyển L, sinh ngày 01/6/2016. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

+ Về tài sản chung: chị A trình bày không có, anh H trình bày không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: chị A, anh H trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong H sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: do chị A và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã H1, huyện G, tỉnh B vào ngày 05/12/2013 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai vẫn không thể hoà giải và hàn gắn. Hiện anh H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A, với lý do còn thương vợ. Tuy nhiên chị A xác định cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh H, tính tình hai bên không hòa hợp, hai bên không có khả năng hàn gắn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu xét xử vắng mặt.

Qua đó, xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Đặng Uyển L, sinh ngày 01/6/2016. Xét thấy, trong thời gian chị A và anh H phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân, cháu L do chị A trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định, tại biên bản lấy ý kiến ngày 04/8/2023, cháu L có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị A là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị A tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: chị A khai không có, anh H khai không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: cả hai khai không có nên không xem xét.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị A phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thoại A được ly hôn với anh Đặng Thanh H.

2/- Con chung: Đặng Uyển L, sinh ngày 01/6/2016.

Giao Đặng Uyển L, sinh ngày 01/6/2016 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị A tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con

của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/- Tài sản chung, nợ chung: chị A khai không có, anh H khai không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/- Nợ chung: cả hai khai không có nên không xem xét.

5/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Thoại A phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006047 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị A đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B
- VKSND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã H1,
(G, B);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Xuân Nhàn Lê Văn Cảnh	Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
	Đặng Thị Ngọc Duyên